

Bản án số: 70/2025/DS-ST
Ngày: 03-9- 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Ông Trần Châu Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 52/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Ấp B, xã B1, huyện B2, tỉnh Bến Tre; Nay là Ấp B, xã B2, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Trần Trúc P, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp T, xã T1, tỉnh Vĩnh Long. (*Xin vắng mặt*)

2/ Bị đơn: Ông Dương Văn Q, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện M1, tỉnh Bến Tre; Nay là ấp H, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Trần Trúc P trình bày:

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2024, ông Dương Văn Q có vay của ông Nguyễn Xuân H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay 06 (sáu) tháng, lãi suất thoả thuận 1,5%/tháng, hai bên có lập hợp đồng vay tài sản và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Nữ Hoàng Oanh (địa chỉ Lô số A1-03, Quốc lộ 57C, Ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre), số công chứng 1320, quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD. Ông Q đã

nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, từ ngày hết hạn vay cho đến nay, ông Q không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông H như đã thỏa thuận. Do đó, nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 26 tháng 9 năm 2024 đến ngày Tòa xét xử với mức lãi suất 1,5%/tháng.

Bị đơn ông Dương Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử như sau:

Ông xác nhận có ký hợp đồng vay tiền với ông Nguyễn Xuân H như nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ phía ông H giao nộp. Nay ông đồng ý trả cho ông H số tiền gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Dương Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ vay và tiền lãi nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Ông H cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bị xâm phạm bởi việc vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng của ông Q nên ông H có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 và Điều 186 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Ông Q có nơi cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện M1, tỉnh Bến Tre, nay là ấp H, xã Đ1, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[4] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Trần Trúc P có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P. Ông Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tổ tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Q.

[5] Xét yêu cầu trả tiền vay của ông H, Hội đồng xét xử nhận định: Theo nguyên đơn trình bày vào ngày 26 tháng 9 năm 2024, ông Q có vay của ông H số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay 06 (sáu) tháng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, hai bên có lập hợp đồng vay tài sản và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Nữ Hoàng Oanh (địa chỉ

Lô số A1-03, Quốc lộ 57C, Ấp 2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre), số công chứng 1320, quyển số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD. Ông Q đã trực tiếp nhận đủ số tiền vay. Tuy nhiên, từ ngày hết hạn vay cho đến nay, ông Q không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông H như đã thỏa thuận. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Q trả tiền. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q xác nhận có ký hợp đồng vay tiền với ông H như nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ phía ông H giao nộp và đồng ý trả cho ông H số tiền gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông H đối với số tiền vay gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu trả tiền lãi của ông H, Hội đồng xét xử nhận định: Ông H yêu cầu ông Q trả lãi trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày vay tiền 26 tháng 9 năm 2024 đến ngày Toà xét xử, thành tiền là 42.250.000 đồng. Trong khi đó, hợp đồng vay tiền hai bên chỉ thỏa thuận lãi suất vay là 1,5%/tháng với thời hạn vay là 06 tháng (từ ngày 26 tháng 9 năm 2024 đến ngày 26 tháng 3 năm 2025), hai bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả và ông Q yêu cầu Toà án giải quyết tiền lãi theo quy định định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi của ông H. Cụ thể, ông Q có nghĩa vụ trả lãi trong hạn là $250.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 22.500.000 \text{ đồng}$. Đối với thời gian sau khi hết hạn vay, ông Q có nghĩa vụ trả lãi chậm trả với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 0,83%/tháng, thời gian chậm trả là 05 tháng 08 ngày, thành tiền 10.928.000 đồng. Như vậy ông Q có nghĩa vụ trả lãi với tổng số tiền là 33.428.000 đồng, không được chấp nhận đối với số tiền 8.822.000 đồng.

[7] Xét về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận một phần nên ông H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng số tiền không được chấp nhận. Ông Q có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng số tiền có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H.

Buộc bị đơn ông Dương Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân H số tiền vay gốc là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, tiền lãi trong hạn là 22.500.000 (hai mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng, tiền lãi chậm trả là 10.928.000 (mười triệu chín trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Tổng cộng là 283.428.000 (hai trăm tám mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H đối với số tiền lãi 8.822.000 (tám triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Xuân H có nghĩa vụ chịu là 441.000 (bốn trăm bốn mươi một nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.906.000 (sáu triệu chín trăm lẻ sáu nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012118 ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 6.465.000 (sáu triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai trên.

- Ông Dương Văn Q có nghĩa vụ chịu là 14.171.000 (mười bốn triệu một trăm bảy mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự (2b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b)
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân